

Số: 1543/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp các môn văn hóa cho sinh viên khóa 18T4 (9+3), 20T2 (1N3T); Thi lại tốt nghiệp các môn văn hóa, Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề cho sinh viên khóa cũ thi lại
Kỳ thi tháng 01/2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-LTT-TC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế đào tạo trong dạy nghề hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-LTT-ĐT ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của

Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-LTT-ĐT ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp các môn văn hóa; xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp trình độ Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề, Trung cấp chuyên nghiệp cho sinh viên các khóa năm học 2021 -2022;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp các môn văn hóa; xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp trình độ Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề, Trung cấp chuyên nghiệp cho sinh viên các khóa năm học 2021 -2022 ngày 30 tháng 12 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận **738** sinh viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp các môn văn hóa; Thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề, trong đó:

1. Đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp các môn văn hóa cho khóa 18T4 (9+3), 20T2 (1N3T) và khóa cũ thi lại: 710 sinh viên.

2. Đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề: 28 sinh viên.

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên được dự thi phải thực hiện theo đúng lịch thi và quy chế thi hiện hành.

Điều 3. Sinh viên còn nợ các khoản phí được dự thi tốt nghiệp các môn văn hóa, Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề. Sinh viên không hoàn tất các khoản phí còn nợ sẽ không được công nhận kết quả thi tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp nghề, Trung cấp chuyên nghiệp.

Điều 4. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TS-ĐT (Thor 4b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Đinh Văn Đệ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 18T4 VÀ 20T2 ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI
TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KỲ THI THÁNG 01/2022

(Kèm theo Quyết định số: 1543 /QĐ-LTT-ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
1	18000874	Phạm Thế Ân		Nam	05/01/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
2	18005722	Vũ Quý Bảo		Nam	16/12/1999	18T4-ANM1	X	X	X	
3	18001181	Nguyễn Trần Quốc Bình		Nam	19/08/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
4	18001063	Đặng Thanh Chung		Nam	26/09/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
5	18001117	Ngô Chí Đạt		Nam	13/12/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
6	18000496	Thị Tấn Đạt		Nam	26/06/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
7	18000453	Nguyễn Minh Học		Nam	15/07/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
8	18002243	Đinh Lê Tấn Huy		Nam	26/08/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
9	18003239	Huỳnh Huy		Nam	03/10/2002	18T4-ANM1	X	X	X	
10	18001325	Phạm Huynh		Nam	27/03/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
11	18001258	Nguyễn Bảo Khang		Nam	27/04/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
12	18001145	Trịnh Duy Khang		Nam	13/10/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
13	18005507	Hoàng Đăng Khôi		Nam	27/12/2001	18T4-ANM1	X	X	X	
14	18001082	Trần Duy Long		Nam	19/11/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
15	18000172	Nguyễn Nam		Nam	30/12/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
16	18000207	Nguyễn Trần Phương Nga		Nữ	23/01/2002	18T4-ANM1	X	X	X	
17	18000349	Nguyễn Phan Anh Quân		Nam	21/11/2003	18T4-ANM1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
18	18000933	Phan Ngọc Linh	Quyên	Nữ	03/09/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
19	18001185	Võ Nguyên	Thái	Nam	21/01/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
20	18000758	Phạm Thị Ngọc	Thảo	Nữ	05/05/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
21	18005051	Dương Minh	Thuận	Nam	01/05/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
22	18000606	Phạm Nhật	Trường	Nam	20/10/2003	18T4-ANM1	X	X	X	
23	18001184	Nguyễn Bá Cát	Tường	Nam	02/06/2002	18T4-ANM1	X	X	X	
24	18000212	Đinh Gia	Bảo	Nam	17/05/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
25	18004142	Nguyễn Đức	Cảnh	Nam	04/12/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
26	18003779	Dương Tuấn	Đạt	Nam	15/08/2002	18T4-CCK1	X	X	X	
27	18000956	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	14/07/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
28	18000439	Trần Quang	Dinh	Nam	07/03/2002	18T4-CCK1	X	X	X	
29	18004878	Nguyễn Thanh	Giang	Nam	31/08/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
30	18003071	Ngô Gia	Hào	Nam	12/03/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
31	18001259	Nguyễn Đình Phú	Hào	Nam	16/11/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
32	18002041	Nguyễn Bảo	Hoàng	Nam	26/06/2002	18T4-CCK1	X	X	X	
33	18000522	Lê Minh	Huy	Nam	24/03/2002	18T4-CCK1	X	X	X	
34	18000587	Nguyễn Trần Anh	Huy	Nam	10/07/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
35	18004728	Cao Việt	Khánh	Nam	01/08/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
36	18001221	Trần Lưu Đăng	Khoa	Nam	11/08/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
37	18000202	Phạm Nguyễn Hải	Nam	Nam	01/01/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
38	18001147	Trương Huỳnh Minh	Nhật	Nam	26/04/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
39	18001120	Nguyễn Hiền Anh	Pháp	Nam	16/11/2003	18T4-CCK1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
40	18001411	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	23/10/2002	18T4-CCK1	X	X	X	
41	18001237	Nguyễn Anh Thiên	Phú	Nam	16/09/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
42	18003423	Nguyễn Thanh	Phú	Nam	22/08/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
43	18000300	Trần Hoàng	Phúc	Nam	07/07/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
44	18001853	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	25/05/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
45	18003872	Nguyễn Ngọc Minh	Quân	Nam	16/09/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
46	18000878	Nguyễn Đình	Quý	Nam	17/09/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
47	18000244	Nguyễn Đình Hồng	Sơn	Nam	04/12/2002	18T4-CCK1	X	X	X	
48	18005199	Lê Công	Tài	Nam	22/08/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
49	18000260	Thái Kiến	Tạo	Nam	28/10/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
50	18003728	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	05/10/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
51	18000838	Nguyễn Nguyễn Trí	Thiện	Nam	02/07/1995	18T4-CCK1	X	X	X	
52	18004401	Bùi Trần Minh	Toàn	Nam	21/04/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
53	18004273	Nguyễn Thanh	Tòng	Nam	15/08/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
54	18000778	Lê Huy	Tú	Nam	04/11/2002	18T4-CCK1	X	X	X	
55	18004291	Trần Đoàn Anh	Tuấn	Nam	10/12/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
56	18000637	Nguyễn Hoàng	Vinh	Nam	13/06/2003	18T4-CCK1	X	X	X	
57	18000513	Cao Quân	Bảo	Nam	18/02/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
58	18001099	Hồ Thái	Bảo	Nam	22/07/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
59	18000867	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	01/07/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
60	18001616	Trần Quốc	Duy	Nam	12/09/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
61	18000616	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	24/12/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
62	18004146	Huỳnh Tấn	Hung	Nam	06/03/2002	18T4-CĐT1	X	X	X	
63	18000795	Nguyễn Hữu Phúc	Khang	Nam	15/04/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
64	18001176	Bùi Phạm Thanh	Lâm	Nam	19/08/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
65	18000575	Phạm Thành	Lộc	Nam	05/10/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
66	18000036	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	06/11/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
67	18001290	Nguyễn Xuân Hoàng	Nam	Nam	01/11/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
68	18000950	Phạm Nguyễn Thanh	Phong	Nam	24/10/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
69	18000062	Lê Bùi Hồng	Phúc	Nam	05/07/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
70	18000870	Võ Quang	Phục	Nam	09/12/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
71	18001802	Nguyễn Doãn Thanh	Quang	Nam	29/09/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
72	18000976	Nguyễn Đức	Tài	Nam	06/06/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
73	18000362	Lê Nguyễn Xuân	Thiện	Nam	11/01/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
74	18000307	Lê Nam	Thịnh	Nam	12/08/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
75	18001005	Lê Nguyễn Kim	Trọng	Nam	29/03/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
76	18000043	Nguyễn Trường	Vũ	Nam	28/02/2003	18T4-CĐT1	X	X	X	
77	18001041	Nguyễn Tân	Cường	Nam	10/10/2003	18T4-CKC1	X	X	X	
78	18004039	Trần Nam Thiên Bảo	Duy	Nam	02/04/2003	18T4-CKC1	X	X	X	
79	18000229	Lê Trần Gia	Huy	Nam	24/08/2003	18T4-CKC1	X	X	X	
80	18001004	Lê Quang Minh	Khánh	Nam	08/12/2003	18T4-CKC1	X	X	X	
81	18001603	Nguyễn Trần	Khánh	Nam	19/11/2003	18T4-CKC1	X	X	X	
82	18004562	Hoàng Vĩnh	Kiệt	Nam	12/02/2003	18T4-CKC1	X	X	X	
83	18001368	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	14/01/2003	18T4-CKC1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
84	18000966	Nguyễn Hà	Tây	Nam	16/09/2003	18T4-CKC1	X	X	X	
85	18001011	Lê Quang	Thịnh	Nam	09/08/2003	18T4-CKC1	X	X	X	
86	18000531	Nguyễn Ngọc Minh	Trí	Nam	30/01/2003	18T4-CKC1	X	X	X	
87	18002772	Nguyễn Quang	Trí	Nam	09/08/2003	18T4-CKC1	X	X	X	
88	18000530	Quách Phúc	Trung	Nam	31/10/2003	18T4-CKC1	X	X	X	
89	18001267	Tô Chí	Trung	Nam	25/07/2003	18T4-CKC1	X	X	X	
90	18000724	Võ Duy	An	Nam	21/08/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
91	18000815	Hồ Trần Duy	Anh	Nam	09/05/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
92	18000572	Đỗ Đặng Thái	Bảo	Nam	30/01/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
93	18002070	Nguyễn Thế Gia	Bảo	Nam	31/08/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
94	18001541	Trần Trọng	Đại	Nam	22/02/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
95	18001383	Phạm Thu	Đạo	Nam	24/01/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
96	18000977	Nguyễn Quốc	Dũng	Nam	25/12/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
97	18001303	Lê Quang	Hải	Nam	22/11/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
98	18000829	Lê Trí	Hải	Nam	20/10/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
99	18000388	Hà Nhật	Hoàng	Nam	06/04/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
100	18000788	Phạm Quang	Huy	Nam	01/08/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
101	18001060	Trần Quang	Huy	Nam	27/11/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
102	18004242	Triệu Thành Minh	Khôi	Nam	30/12/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
103	18000908	Nguyễn Anh	Khuê	Nam	01/09/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
104	18000800	Từ Sở	Kiệt	Nam	29/05/2002	18T4-CMT1	X	X	X	
105	18000824	Trần Võ Tấn	Lộc	Nam	31/07/2003	18T4-CMT1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
106	18003178	Ngô Xuân	Lợi	Nam	11/08/2000	18T4-CMT1	X	X	X	
107	18000540	Nguyễn Văn	Lợi	Nam	20/11/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
108	18000735	Nguyễn Hoàng	Phát	Nam	22/08/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
109	18001229	Ông Tấn	Phát	Nam	27/09/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
110	18000094	Trịnh Thanh	Phát	Nam	13/08/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
111	18002263	Lâm Trần Thanh	Phúc	Nam	24/08/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
112	18000417	Kim Minh	Quân	Nam	03/12/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
113	18002984	Nguyễn Minh	Quân	Nam	11/09/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
114	18000983	Lê Thanh	Tài	Nam	11/01/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
115	18000026	Nguyễn Ngọc	Trung	Nam	19/12/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
116	18000297	Huỳnh Thanh	Tú	Nam	08/10/2003	18T4-CMT1	X	X	X	
117	18000618	Trần Hoài	An	Nữ	17/03/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
118	18001725	Lê Quỳnh	Anh	Nữ	24/11/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
119	18000029	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	Nữ	15/04/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
120	18001195	Trần Bảo	Châu	Nữ	10/11/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
121	18000876	Phạm Bùi Ngọc	Dung	Nữ	06/02/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
122	18001989	Trần Thị Thu	Hiếu	Nữ	13/08/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
123	18001137	Dương Tấn	Hung	Nam	23/01/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
124	18000709	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	Nữ	10/07/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
125	18004499	Ngô Phạm Đăng	Khoa	Nam	25/08/2001	18T4-CNM1	X	X	X	
126	18000622	Trần Uyên	Linh	Nữ	14/04/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
127	18001354	Nguyễn Vạn	Lợi	Nam	27/04/2003	18T4-CNM1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
128	18004871	Hoàng Thị Diệu	Ly	Nữ	28/07/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
129	18000986	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	18/10/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
130	18004629	Nguyễn Tú	Phuong	Nữ	03/10/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
131	18000759	Đỗ Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	11/03/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
132	18000988	Nguyễn Trần Minh	Thảo	Nữ	12/08/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
133	18005218	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	19/12/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
134	18000729	Hoàng Ngọc Thanh	Thủy	Nữ	22/11/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
135	18000608	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	02/10/2002	18T4-CNM1	X	X	X	
136	18000425	Đoàn Lê Phương	Trâm	Nữ	14/08/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
137	18002732	Ngô Bích	Trâm	Nữ	12/10/2001	18T4-CNM1	X	X	X	
138	18000998	Lương Huỳnh Bảo	Trân	Nữ	17/09/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
139	18002718	Ngô Hoài Diễm	Trinh	Nữ	01/09/1995	18T4-CNM1	X	X	X	
140	18000409	Nguyễn Lê Cát	Tường	Nữ	23/10/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
141	18003009	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	Nữ	20/01/2003	18T4-CNM1	X	X	X	
142	18000652	Bùi Thị Bé	Xinh	Nữ	01/01/2000	18T4-CNM1	X	X	X	
143	18000044	Phan Thanh	Bình	Nam	21/04/2001	18T4-CNÔ1	X	X	X	
144	18000037	Trần Công	Chính	Nam	25/06/2000	18T4-CNÔ1	X	X	X	
145	18004582	Phạm Nhật	Cường	Nam	27/12/2002	18T4-CNÔ1	X	X	X	
146	18000048	Hoàng Tiến	Dũng	Nam	04/11/2003	18T4-CNÔ1	X	X	X	
147	18000209	Nguyễn Huỳnh Hồ	Hiếu	Nam	24/12/2003	18T4-CNÔ1	X	X	X	
148	18000275	Trương Minh	Kha	Nam	27/03/2002	18T4-CNÔ1	X	X	X	
149	18000268	Dương Tấn	Khang	Nam	19/09/2003	18T4-CNÔ1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
150	18000098	Lê Quốc	Khánh	Nam	17/02/2001	18T4-CNÔ1	X	X	X	
151	18000093	Nguyễn Lê Anh	Khôi	Nam	10/02/2003	18T4-CNÔ1	X	X	X	
152	18000065	Nguyễn Văn	Kỳ	Nam	15/04/2003	18T4-CNÔ1	X	X	X	
153	18000213	Lê Công	Thành	Nam	06/12/2003	18T4-CNÔ1	X	X	X	
154	18000340	Nguyễn Tồn Doanh	Chính	Nam	19/12/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
155	18000435	Ngô Hải	Đăng	Nam	21/10/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
156	18000111	Nguyễn Văn	Đức	Nam	27/06/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
157	18000452	Phan Lê Minh	Đức	Nam	31/08/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
158	18000289	Nguyễn Trần Quốc	Huy	Nam	16/04/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
159	18000302	Vũ Tuấn	Khôi	Nam	11/07/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
160	18000491	Trần Đức	Lương	Nam	17/08/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
161	18000366	Trần Đức	Mạnh	Nam	05/07/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
162	18000396	Phạm Lê	Minh	Nam	24/11/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
163	18000492	Nguyễn Hải	Nam	Nam	13/10/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
164	18000461	Phan Lê Minh	Phúc	Nam	31/08/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
165	18000543	Dương Minh	Quân	Nam	18/06/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
166	18000456	Phan Vũ Minh	Quân	Nam	25/03/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
167	18000441	Lữ Vĩ	Quốc	Nam	13/01/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
168	18000316	Nguyễn Vinh	Quy	Nam	25/04/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
169	18000284	Nguyễn Tấn Hoàng	Thịnh	Nam	08/05/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
170	18000477	Trần Cao Minh	Thịnh	Nam	06/11/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	
171	18000314	Định Hà Long	Vũ	Nam	10/09/2003	18T4-CNÔ2	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
172	18000694	Hàng Phạm Ngọc	Giáp	Nam	20/04/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
173	18000544	Nguyễn Thạch	Hoàng	Nam	06/12/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
174	18002179	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	16/11/2002	18T4-CNÔ3	X	X	X	
175	18000624	Huỳnh Lê Công	Khanh	Nam	10/04/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
176	18000600	Phạm Anh	Khôi	Nam	23/09/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
177	18002513	Hoàng Đức	Long	Nam	29/08/2000	18T4-CNÔ3	X	X	X	
178	18000654	Nguyễn Trần Minh	Luân	Nam	07/02/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
179	18000602	Lê Quang	Minh	Nam	17/08/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
180	18000668	Lục Khải	Minh	Nam	10/08/2002	18T4-CNÔ3	X	X	X	
181	18000666	Tạ Công	Minh	Nam	22/08/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
182	18000596	Nguyễn Khoa	Nam	Nam	15/08/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
183	18000378	Nguyễn Văn	Nam	Nam	27/01/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
184	18000626	Nguyễn Nhân	Nghĩa	Nam	18/05/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
185	18000806	Huỳnh Hữu	Phấn	Nam	28/03/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
186	18000657	Nguyễn Hoàng	Thiện	Nam	22/04/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
187	18000769	Nguyễn Thanh	Thuận	Nam	09/01/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
188	18000644	Trần Chung Minh	Trí	Nam	05/09/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
189	18000755	Nguyễn Văn	Trung	Nam	23/09/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
190	18000052	Đặng Lê Anh	Tú	Nam	14/02/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
191	18000765	Lê Quang	Tuấn	Nam	18/10/2003	18T4-CNÔ3	X	X	X	
192	18001021	Huỳnh Trịnh Nhật	Anh	Nam	15/09/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
193	18000821	Lê	Bình	Nam	30/07/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
194	18001065	Đoàn Nguyễn Quang	Cảnh	Nam	31/10/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
195	18000999	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	05/09/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
196	18001081	Lê Minh	Hải	Nam	16/03/2002	18T4-CNÔ4	X	X	X	
197	18000839	Trần Quốc	Hậu	Nam	05/06/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
198	18001149	Triệu Phước	Hậu	Nam	31/10/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
199	18000946	Trương Văn	Hiếu	Nam	10/09/2001	18T4-CNÔ4	X	X	X	
200	18001094	Nguyễn Minh	Huy	Nam	25/03/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
201	18000925	Tôn Thất	Minh	Nam	28/02/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
202	18001100	Trương Thế	Phong	Nam	20/05/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
203	18000843	Trần Phước Hoàn	Phúc	Nam	19/05/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
204	18001079	Phạm Hồng	Tấn	Nam	04/01/2002	18T4-CNÔ4	X	X	X	
205	18001045	Nguyễn Khang	Thuận	Nam	25/09/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
206	18000975	Kiều Hoàng Thanh	Tín	Nam	01/05/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
207	18000915	Lê Quang	Trường	Nam	26/02/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
208	18001024	Phan Công	Việt	Nam	03/12/2003	18T4-CNÔ4	X	X	X	
209	18001554	Trần Văn	Bảo	Nam	15/03/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
210	18001175	Lâm Quốc	Chương	Nam	28/07/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
211	18001733	Lâm Dân	Đạt	Nam	06/06/2002	18T4-CNÔ5	X	X	X	
212	18001353	Nguyễn Văn	Duy	Nam	29/04/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
213	18001438	Đoàn Hoàng	Gia	Nam	04/02/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
214	18001323	Trần Minh	Hải	Nam	06/09/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
215	18001278	Trần Nhựt	Hào	Nam	08/04/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
216	18001369	Nguyễn Công	Hiếu	Nam	30/10/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
217	18001289	Dương Đăng	Hung	Nam	25/07/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
218	18001522	Đỗ Gia	Huy	Nam	03/06/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
219	18001196	Lương Anh	Huy	Nam	01/07/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
220	18001312	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	01/11/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
221	18001327	Hà Đình Trọng	Nhân	Nam	09/03/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
222	18001284	Dư Hữu	Phát	Nam	07/10/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
223	18001277	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	13/08/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
224	18001620	Nguyễn Thành	Sang	Nam	31/03/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
225	18001392	Phạm Minh	Thắng	Nam	26/08/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
226	18001967	Lê Văn	Trí	Nam	07/04/2003	18T4-CNÔ5	X	X	X	
227	18005280	Nguyễn Văn	Cường	Nam	15/04/1999	18T4-ĐCN1	X	X	X	
228	18000967	Phan Chí	Cường	Nam	21/06/2003	18T4-ĐCN1	X	X	X	
229	18000360	Tô Võ Hải	Đăng	Nam	29/10/2003	18T4-ĐCN1	X	X	X	
230	18000792	Lê Quốc	Đạt	Nam	11/04/2003	18T4-ĐCN1	X	X	X	
231	18001220	Lê Đỗ Ngọc	Dũng	Nam	16/12/2003	18T4-ĐCN1	X	X	X	
232	18001329	Võ Đại	Hung	Nam	04/09/2003	18T4-ĐCN1	X	X	X	
233	18001314	Nguyễn Dương Hoàng	Khang	Nam	21/11/2003	18T4-ĐCN1	X	X	X	
234	18000155	Huỳnh Tuấn	Kiệt	Nam	25/10/2002	18T4-ĐCN1	X	X	X	
235	18000455	Nguyễn Hoàng Bảo	Lâm	Nam	11/09/2003	18T4-ĐCN1	X	X	X	
236	18000623	Hoàng Tùng	Phát	Nam	24/06/2003	18T4-ĐCN1	X	X	X	
237	18001478	Huỳnh Nhựt Tấn	Phát	Nam	12/10/2002	18T4-ĐCN1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
238	18001326	Dương Hữu	Tài	Nam	01/10/2003	18T4-ĐCN1	X	X	X	
239	18001030	Nguyễn Trường	Thành	Nam	08/11/2003	18T4-ĐCN1	X	X	X	
240	18003472	Vũ Đức	Anh	Nam	20/03/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
241	18000869	Hà Trịnh Hoàng	Đạt	Nam	02/04/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
242	18000693	Ngô Tiến	Đạt	Nam	09/10/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
243	18002662	Huỳnh Quốc	Hào	Nam	01/05/1997	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
244	18000822	Nguyễn Đình	Khánh	Nam	14/10/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
245	18000128	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	25/04/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
246	18000775	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	18/12/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
247	18003044	Phan Minh	Kiệt	Nam	22/08/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
248	18002642	Đình Hoàng	Long	Nam	10/06/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
249	18003507	Lê Nguyễn Bảo	Long	Nam	25/03/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
250	18002423	Phạm Lê	Nam	Nam	30/07/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
251	18000928	Cao Đoàn Phú	Quý	Nam	04/04/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
252	18000113	Huỳnh Lê Trường	Thịnh	Nam	24/05/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
253	18000747	Phạm Đức	Thịnh	Nam	04/05/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
254	18000381	Nguyễn Minh	Trí	Nam	27/01/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
255	18000981	Trần Văn	Tú	Nam	23/06/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
256	18000403	Trần Hà Anh	Vũ	Nam	02/08/2003	18T4-ĐĐT1	X	X	X	
257	18004250	Vũ Tiến	Đại	Nam	16/10/2001	18T4-KML1	X	X	X	
258	18002992	Huỳnh Văn	Hiếu	Nam	22/07/2003	18T4-KML1	X	X	X	
259	18000705	Nguyễn Hồ Thanh	Hiếu	Nam	22/01/2003	18T4-KML1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
260	18001144	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	Nam	07/06/2003	18T4-KML1	X	X	X	
261	18000927	Phạm Hoàng	Minh	Nam	05/04/2003	18T4-KML1	X	X	X	
262	18003528	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	23/05/2003	18T4-KML1	X	X	X	
263	18000863	Nguyễn Chí	Thành	Nam	10/11/2003	18T4-KML1	X	X	X	
264	18001286	Vòng Phú	Thịnh	Nam	30/10/2003	18T4-KML1	X	X	X	
265	18000935	Nguyễn Thanh	Trà	Nam	29/01/2003	18T4-KML1	X	X	X	
266	18000604	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23/06/2003	18T4-KML1	X	X	X	
267	18001115	Nguyễn Đức	Trọng	Nam	04/06/2003	18T4-KML1	X	X	X	
268	18002667	Lê Quang	Tú	Nam	17/10/2001	18T4-KML1	X	X	X	
269	18001611	Trương Văn	Tú	Nam	17/08/2003	18T4-KML1	X	X	X	
270	18000517	Nguyễn Bá	Tùng	Nam	17/07/2003	18T4-KML1	X	X	X	
271	18001344	Đàm Hồ	Việt	Nam	16/03/2003	18T4-KML1	X	X	X	
272	18000075	Mai Quý	Chi	Nữ	28/02/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
273	18003119	Trần Thị	Hoài	Nữ	20/05/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
274	18002588	Nguyễn Mỹ	Hương	Nữ	11/11/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
275	18001218	Bùi Gia	Huy	Nam	05/06/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
276	18001427	Ngô Văn	Huỳnh	Nam	23/11/2002	18T4-KTD1	X	X	X	
277	18002640	Dương Gia	Kiều	Nữ	18/06/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
278	18000973	Vũ Thanh	Lan	Nữ	21/08/2002	18T4-KTD1	X	X	X	
279	18002118	Võ Thị Thanh	Loan	Nữ	25/09/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
280	18000336	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	12/02/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
281	18001126	Võ Thị Mỹ	Minh	Nữ	27/08/2003	18T4-KTD1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
282	18002035	Bùi Thị Hằng	Mơ	Nữ	25/10/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
283	18000384	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	10/03/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
284	18001029	Nguyễn Đại Hồng	Ngọc	Nữ	04/04/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
285	18001148	Lê Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	20/01/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
286	18001432	Lê Phương Uyên	Nhi	Nữ	13/06/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
287	18003378	Nguyễn Thị Bích	Quyên	Nữ	07/10/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
288	18000354	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	31/08/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
289	18003627	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	04/11/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
290	18000528	Mai Văn	Tấn	Nam	24/08/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
291	18000764	Trần Hoàng Minh	Thư	Nữ	20/08/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
292	18000931	Huỳnh Thị Ngọc	Thùy	Nữ	26/08/2002	18T4-KTD1	X	X	X	
293	18000158	Lê Phan Khánh	Thy	Nữ	11/07/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
294	18004402	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	05/07/2002	18T4-KTD1	X	X	X	
295	18000733	Huỳnh Khả	Trân	Nữ	17/07/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
296	18001154	Nguyễn Đào Tuyết	Trang	Nữ	16/04/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
297	18001132	Nguyễn Ngọc Thiên	Trang	Nữ	04/05/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
298	18005112	Lê Thục	Uyên	Nữ	09/07/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
299	18000862	Trần Phương	Uyên	Nữ	18/01/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
300	18002254	Huỳnh Thị	Vy	Nữ	14/07/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
301	18000529	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	Nữ	18/11/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
302	18001503	Nguyễn Huỳnh Minh	Xuân	Nữ	18/01/2003	18T4-KTD1	X	X	X	
303	18001108	Trương Trần Khánh	Duy	Nam	27/12/2003	18T4-KXD1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
304	18000182	Thái Minh	Hào	Nam	29/05/2003	18T4-KXD1	X	X	X	
305	18001306	Nguyễn Gia	Huy	Nam	22/03/2003	18T4-KXD1	X	X	X	
306	18000506	Trần Hoàng	Khanh	Nam	30/01/2003	18T4-KXD1	X	X	X	
307	18000809	Lê Huỳnh Tấn	Lộc	Nam	08/04/2003	18T4-KXD1	X	X	X	
308	18005334	Quách Huệ	Bền	Nam	07/05/1997	18T4-LTM1	X	X	X	
309	18000431	Võ Phước	Đại	Nam	22/09/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
310	18000837	Nguyễn Tuấn	Dũng	Nam	03/04/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
311	18000355	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	25/09/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
312	18001083	Nguyễn Tín	Hòa	Nam	03/06/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
313	18001098	Cao Vũ Nhật	Huy	Nam	13/03/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
314	18001010	Huỳnh Gia	Huy	Nam	06/08/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
315	18001222	Phạm Quang	Huy	Nam	26/11/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
316	18000034	Ngô Hoàng	Khang	Nam	02/08/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
317	18000588	Trần Lê Gia	Khiêm	Nam	05/07/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
318	18000875	Đoàn Trịnh Minh	Mẫn	Nam	10/11/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
319	18000899	Ngô Đức	Minh	Nam	24/06/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
320	18000223	Hoàng Trần Ngọc	Nghĩa	Nam	10/12/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
321	18000566	Trương Cao	Nguyên	Nam	14/04/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
322	18000484	Mai Thiên	Phúc	Nam	25/10/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
323	18004767	Phạm Thị Phương	Tâm	Nữ	07/04/1998	18T4-LTM1	X	X	X	
324	18001219	Nguyễn Trần Ngọc	Thạch	Nam	17/06/2002	18T4-LTM1	X	X	X	
325	18004339	Phạm Thành	Trung	Nam	13/10/2000	18T4-LTM1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
326	18001095	Huỳnh Tuấn	Vũ	Nam	11/04/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
327	18001374	Trần Đức	Anh	Nam	03/06/2003	18T4-LTM2	X	X	X	
328	18000858	Nguyễn Phúc Minh	Châu	Nữ	28/10/2003	18T4-LTM2	X	X	X	
329	18000310	Phạm Hoàng Minh	Đăng	Nam	29/01/2003	18T4-LTM2	X	X	X	
330	18000168	Lê Xuân	Đông	Nam	28/02/2003	18T4-LTM2	X	X	X	
331	18000914	Trần Hữu	Đông	Nam	16/12/2003	18T4-LTM2	X	X	X	
332	18001223	Đặng Thái	Hòa	Nam	20/12/2003	18T4-LTM2	X	X	X	
333	18000165	Võ Thanh	Hùng	Nam	30/04/2003	18T4-LTM2	X	X	X	
334	18000373	Trần Quốc	Khánh	Nam	29/08/2003	18T4-LTM2	X	X	X	
335	18002270	Trần Đăng	Khoa	Nam	20/12/2001	18T4-LTM2	X	X	X	
336	18001799	Trương Hoàng	Phúc	Nam	03/12/1998	18T4-LTM2	X	X	X	
337	18000218	Võ Hữu	Phước	Nam	10/09/1994	18T4-LTM2	X	X	X	
338	18002954	Nguyễn Ngọc Khánh	Tâm	Nữ	04/02/2003	18T4-LTM2	X	X	X	
339	18001230	Nguyễn Gia	Tiến	Nam	25/01/2003	18T4-LTM2	X	X	X	
340	18003363	Trương Văn	Toàn	Nam	09/11/1995	18T4-LTM2	X	X	X	
341	18000154	Lê Phạm Lan	Anh	Nữ	09/12/2002	18T4-NNA1	X	X	X	
342	18000181	Mai Trâm	Anh	Nữ	05/09/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
343	18000138	Phùng Lê Minh	Anh	Nữ	04/02/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
344	18000343	Võ Lê Quốc	Bảo	Nam	05/12/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
345	18000485	Trần Nguyễn Tú	Bình	Nữ	20/11/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
346	18000358	Lê Kim	Cương	Nữ	27/10/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
347	18000188	Lương Phan Chí	Cường	Nam	08/06/2003	18T4-NNA1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
348	18000707	Võ Ngọc	Điệp	Nữ	31/10/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
349	18000326	Lê Ngọc	Giàu	Nam	11/07/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
350	18005286	Lê Thanh	Hùng	Nam	06/08/2000	18T4-NNA1	X	X	X	
351	18000317	Hà Thiên	Kim	Nữ	24/10/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
352	18000632	Lê Trà	My	Nữ	01/06/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
353	18000577	Huỳnh Phạm Trần Lê	Na	Nữ	20/09/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
354	18000261	Trần Huỳnh Bảo	Ngọc	Nữ	22/08/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
355	18000190	Đinh Thanh	Nguyên	Nam	13/08/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
356	18000047	Nguyễn Thiên	Phú	Nam	17/10/2000	18T4-NNA1	X	X	X	
357	18000112	Nguyễn Mạnh Hoàng	Quân	Nam	26/09/2002	18T4-NNA1	X	X	X	
358	18000041	Nguyễn Phước Minh	Quân	Nam	18/10/2002	18T4-NNA1	X	X	X	
359	18000414	Phạm Anh	Quý	Nam	24/09/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
360	18000659	Hoa Nguyễn	Quỳnh	Nữ	01/09/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
361	18000387	Từ Thanh	Thảo	Nữ	22/08/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
362	18000463	Lê Đặng Hoài	Thương	Nữ	12/10/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
363	18000107	Đặng Cao	Tiến	Nam	01/01/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
364	18000524	Đặng Thị Kim	Trang	Nữ	07/10/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
365	18000661	Trần Ngọc	Trí	Nam	22/09/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
366	18000690	Lưu Khả	Tú	Nữ	08/03/2003	18T4-NNA1	X	X	X	
367	18000924	Đỗ Phương	Anh	Nữ	09/01/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
368	18001398	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	22/12/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
369	18001078	Tăng Nguyễn Thùy	Anh	Nữ	29/09/2003	18T4-NNA2	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
370	18001007	Võ Hải	Anh	Nữ	03/04/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
371	18000960	Nguyễn Trần Gia	Bảo	Nữ	01/01/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
372	18000921	Trần Anh	Đào	Nữ	21/06/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
373	18000987	Tạ Ngọc Phong	Duy	Nam	26/06/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
374	18002845	Trần Quỳnh	Giang	Nữ	27/05/2002	18T4-NNA2	X	X	X	
375	18000798	Nguyễn Trần Gia	Hân	Nữ	09/01/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
376	18000910	Khuong Xuân	Hùng	Nam	11/02/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
377	18000823	Nguyễn Song	Huy	Nam	09/05/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
378	18000958	Trần Công	Lập	Nam	18/01/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
379	18001166	Huỳnh Thiện	Lộc	Nam	27/06/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
380	18000891	Phùng Thảo	My	Nữ	11/01/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
381	18000951	Đào Ngọc Kim	Ngân	Nữ	27/07/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
382	18001006	Phan Nhật Kim	Ngân	Nữ	11/08/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
383	18001014	Trần Hà Kiều	Oanh	Nữ	30/04/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
384	18000932	Bùi Thụy Hồng	Phúc	Nữ	29/07/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
385	18000855	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	19/06/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
386	18005407	Nguyễn Hoàng Thiên	Quý	Nữ	04/11/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
387	18001071	Lê Ngọc Khánh	Quỳnh	Nữ	28/03/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
388	18000890	Phạm Minh	Thu	Nữ	28/03/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
389	18000820	Ngô Trần Thanh	Thương	Nữ	13/12/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
390	18000819	Đinh Hoàng Cát	Tiên	Nữ	19/12/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
391	18001046	Nguyễn Xuân	Toan	Nam	16/02/2003	18T4-NNA2	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
392	18001001	Đặng Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	27/03/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
393	18000961	Võ Ngọc Bích	Trâm	Nữ	12/11/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
394	18000782	Nguyễn Lê Minh	Trang	Nữ	09/03/2002	18T4-NNA2	X	X	X	
395	18000940	Nguyễn Ngô Phương	Uyên	Nữ	20/03/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
396	18001231	Nguyễn Ngọc Quang	Vinh	Nam	31/12/2003	18T4-NNA2	X	X	X	
397	18002677	Nguyễn Thanh Thảo	Anh	Nữ	27/10/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
398	18002468	Bùi Phước Phương	Hải	Nam	16/01/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
399	18004199	Nguyễn Thị Minh	Huệ	Nữ	15/01/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
400	18003804	Nguyễn Duy	Hung	Nam	18/01/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
401	18005701	Lâm Nhật	Huy	Nam	09/12/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
402	18002224	Đinh Huy	Khải	Nam	21/02/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
403	18001136	Phạm Trần Đăng	Khoa	Nam	08/12/2002	18T4-NNA3	X	X	X	
404	18001191	Lê Ngô Tuấn	Kiệt	Nam	12/09/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
405	18005159	Mẫu Thị Ngọc	Linh	Nữ	08/10/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
406	18005175	Nguyễn Phạm Khánh	Mai	Nữ	12/09/2002	18T4-NNA3	X	X	X	
407	18002331	Phạm Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	31/10/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
408	18001995	Phạm Nguyễn Thanh	Ngọc	Nữ	09/03/2002	18T4-NNA3	X	X	X	
409	18002231	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	12/12/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
410	18003535	Mai Thị Uyên	Phuong	Nữ	09/08/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
411	18002651	Nguyễn Quý Phương	Tâm	Nữ	02/08/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
412	18003996	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	10/04/2002	18T4-NNA3	X	X	X	
413	18001257	Thái Thanh	Thư	Nữ	26/12/2001	18T4-NNA3	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
414	18004415	Lê Trương Thùy	Tiên	Nữ	02/09/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
415	18001321	Huỳnh	Trân	Nữ	18/09/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
416	18003572	Đỗ Anh	Tuấn	Nam	16/09/2003	18T4-NNA3	X	X	X	
417	18000521	Trần Gia	Anh	Nam	06/08/2000	18T4-QTD1	X	X	X	
418	18001294	Nguyễn Anh	Đức	Nam	23/09/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
419	18000584	Lưu Gia	Hân	Nam	19/07/2002	18T4-QTD1	X	X	X	
420	18000084	Nguyễn Tấn	Hiền	Nam	05/03/2002	18T4-QTD1	X	X	X	
421	18000538	Nguyễn Thị Kim	Hoa	Nữ	24/09/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
422	18000789	Mai Thị Kim	Khánh	Nữ	07/09/2002	18T4-QTD1	X	X	X	
423	18000777	Lê Thị Mỹ	Lệ	Nữ	23/09/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
424	18001161	Hoàng Nhã	Linh	Nữ	14/03/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
425	18000195	Phạm Thị Trúc	Linh	Nữ	09/10/2001	18T4-QTD1	X	X	X	
426	18000290	Nguyễn Hoàng Bảo	Long	Nam	11/12/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
427	18000039	Nguyễn Hồng	Minh	Nam	14/06/2000	18T4-QTD1	X	X	X	
428	18000997	Dương Kim	Ngân	Nữ	25/08/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
429	18001106	Nguyễn Hồng	Ngân	Nữ	30/04/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
430	18001143	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	16/11/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
431	18000691	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	Nữ	03/07/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
432	18000032	Bùi Nguyễn Tuyết	Nhi	Nữ	03/04/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
433	18001002	Nguyễn Thụy Phương	Quỳnh	Nữ	11/07/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
434	18000079	Lý Hồng Tuyết	Sương	Nữ	28/04/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
435	18001193	Phạm Nguyễn Minh	Thư	Nữ	17/08/2003	18T4-QTD1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
436	18000745	Phan Nguyễn Minh	Thư	Nữ	14/02/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
437	18000996	Đỗ Hà	Tiên	Nữ	30/10/2002	18T4-QTD1	X	X	X	
438	18000916	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	Nữ	23/10/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
439	18000807	Nguyễn Thị Quế	Trân	Nữ	26/07/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
440	18000269	Đoàn Thị Phương	Uyên	Nữ	17/03/2003	18T4-QTD1	X	X	X	
441	18001821	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	11/10/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
442	18002655	Nguyễn Hoài	Hải	Nam	14/07/2002	18T4-QTD2	X	X	X	
443	18000630	Trần Cao Ngọc	Hạnh	Nữ	03/10/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
444	18003727	Nguyễn Quốc Đăng	Khoa	Nam	16/04/2002	18T4-QTD2	X	X	X	
445	18001217	Huỳnh Ngọc Thảo	Linh	Nữ	06/11/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
446	18000363	Đoàn Huỳnh Thuý	Loan	Nữ	11/04/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
447	18002676	Phạm Ngọc Trúc	Mai	Nữ	14/04/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
448	18001023	Phạm Ngọc Kim	Ngân	Nữ	13/06/2002	18T4-QTD2	X	X	X	
449	18000957	Huỳnh Yến	Nhi	Nữ	01/04/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
450	18001822	Lê Thị Tuyết	Nhi	Nữ	26/04/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
451	18004734	Trần Thanh	Phương	Nam	07/12/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
452	18005154	Đinh Võ Khánh	Quỳnh	Nữ	30/10/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
453	18003060	Vũ Thị Như	Quỳnh	Nữ	07/01/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
454	18005741	Nguyễn Đặng Thành	Tài	Nam	06/07/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
455	18002572	Lê Minh	Tâm	Nam	03/01/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
456	18000894	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	23/11/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
457	18005377	Trương Thị Mỹ	Tiên	Nữ	07/05/2001	18T4-QTD2	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
458	18000909	Nguyễn Bảo	Trân	Nữ	06/09/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
459	18002485	Thái Ngọc Thanh	Vy	Nữ	23/06/2003	18T4-QTD2	X	X	X	
460	18000451	Huỳnh Gia	Bảo	Nam	31/05/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
461	18001407	Nguyễn Thành	Công	Nam	25/12/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
462	18001445	Nguyễn Phát	Đạt	Nam	26/12/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
463	18001466	Trần Quốc	Đạt	Nam	20/04/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
464	18004243	Lê Hoàng Anh	Duy	Nam	19/12/2001	18T4-QTM1	X	X	X	
465	18000255	Phạm Ngọc Hoàng	Gia	Nam	27/03/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
466	18000415	Bùi Thanh Trí	Hiếu	Nam	12/07/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
467	18000174	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	26/07/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
468	18005314	Nguyễn Tuyền	Hung	Nam	08/01/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
469	18000658	Ngô Quang Gia	Huy	Nam	16/10/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
470	18000077	Hồ Ngọc Bảo	Khanh	Nam	13/10/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
471	18000929	Nguyễn Văn	Lễ	Nam	04/04/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
472	18001331	Đặng Huỳnh Phương	Nam	Nam	05/05/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
473	18000811	Trần Nguyễn Thanh	Phong	Nam	22/07/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
474	18000499	Lê Nguyễn Công	Tài	Nam	06/03/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
475	18000701	Phạm Văn	Tài	Nam	23/08/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
476	18000180	Ngô Trương Minh	Tâm	Nam	08/10/2001	18T4-QTM1	X	X	X	
477	18001318	Nguyễn Đức	Trung	Nam	30/10/2003	18T4-QTM1	X	X	X	
478	18000433	Bùi Anh	Tú	Nam	17/05/2002	18T4-QTM1	X	X	X	
479	18001254	Lê Đặng Đức	Anh	Nam	28/10/2003	18T4-TCD1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
480	18003361	Bùi Hồng	Dũng	Nam	06/11/2003	18T4-TCD1	X	X	X	
481	18000649	Nguyễn Trí	Hào	Nam	06/07/2003	18T4-TCD1	X	X	X	
482	18005431	Phùng Lê Kim	Ngân	Nữ	09/01/2003	18T4-TCD1	X	X	X	
483	18004262	Võ Thanh Thúy	Ngọc	Nữ	30/07/2003	18T4-TCD1	X	X	X	
484	18001966	Nguyễn Đình	Nhân	Nam	14/02/2003	18T4-TCD1	X	X	X	
485	18000263	Lê Uyển	Nhi	Nữ	26/02/2003	18T4-TCD1	X	X	X	
486	18001244	Trần Thị Xuân	Nhi	Nữ	21/10/2003	18T4-TCD1	X	X	X	
487	18001686	Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	20/11/2003	18T4-TCD1	X	X	X	
488	18000834	Tân Minh	Tuấn	Nam	08/04/2003	18T4-TCD1	X	X	X	
489	18000801	Trần Huỳnh Tường	Vi	Nữ	28/07/2003	18T4-TCD1	X	X	X	
490	18003891	Bùi Thụy Phương	Vy	Nữ	18/10/2003	18T4-TCD1	X	X	X	
491	18000826	Nguyễn Lê Hồng	Xuân	Nữ	05/07/2003	18T4-TCD1	X	X	X	
492	18000429	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	19/10/2002	18T4-TCD1	X	X	X	
493	18001170	Nguyễn Ngọc Băng	Băng	Nữ	30/06/2003	18T4-THU1	X	X	X	
494	18001128	Hà Gia	Bảo	Nam	25/06/2003	18T4-THU1	X	X	X	
495	18002032	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	08/08/2003	18T4-THU1	X	X	X	
496	18000274	Phạm Gia	Bảo	Nam	07/11/2003	18T4-THU1	X	X	X	
497	18000395	Võ Hoàng	Bảo	Nam	11/08/2003	18T4-THU1	X	X	X	
498	18000432	Trương Gia	Bình	Nam	18/12/2003	18T4-THU1	X	X	X	
499	18001209	Đỗ Ngọc	Châu	Nữ	08/01/2003	18T4-THU1	X	X	X	
500	18000895	Viên Ngọc	Châu	Nữ	21/09/2003	18T4-THU1	X	X	X	
501	18003959	Phạm Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	18/02/2003	18T4-THU1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
502	18002374	Trần Đại	Hào	Nam	28/08/2002	18T4-THU1	X	X	X	
503	18000296	Trần Hoàng	Long	Nam	06/12/2003	18T4-THU1	X	X	X	
504	18000965	Phan Trung	Nam	Nam	28/10/2003	18T4-THU1	X	X	X	
505	18001199	Trần Chung	Phát	Nam	10/05/2003	18T4-THU1	X	X	X	
506	18001295	Tạ Hồ Phi	Phụng	Nam	01/11/2003	18T4-THU1	X	X	X	
507	18000794	Phan Hữu	Phước	Nam	04/07/2003	18T4-THU1	X	X	X	
508	18002325	Nguyễn Cao	Thông	Nam	14/11/2003	18T4-THU1	X	X	X	
509	18000311	Bùi Thị Anh	Thư	Nữ	20/06/2003	18T4-THU1	X	X	X	
510	18000106	Lương Vũ	Thuận	Nam	04/03/2003	18T4-THU1	X	X	X	
511	18000621	Nguyễn	Tín	Nam	17/10/2003	18T4-THU1	X	X	X	
512	18000578	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	21/03/2003	18T4-THU1	X	X	X	
513	18001401	Trần Thị Bích	Vân	Nữ	19/05/2003	18T4-THU1	X	X	X	
514	18000751	Nguyễn Hùng	Việt	Nam	01/11/2002	18T4-THU1	X	X	X	
515	18001274	Lương Ngọc Hoa	Ban	Nữ	03/07/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
516	18005710	Nguyễn Hữu	Đạt	Nam	16/10/2000	18T4-TKĐ1	X	X	X	
517	18000226	Từ Quang	Dũng	Nam	01/01/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
518	18001058	Hoàng Hữu Quốc	Huy	Nam	04/06/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
519	18000653	Nguyễn Minh	Huy	Nam	25/04/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
520	18000656	Nguyễn Duy	Khang	Nam	16/07/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
521	18000942	Nguyễn Tiến Đăng	Khoa	Nam	28/10/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
522	18000375	Vũ Anh	Kiệt	Nam	07/08/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
523	18000681	Nguyễn Đại	Lợi	Nam	28/12/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
524	18001334	Nguyễn Công	Nghĩa	Nam	19/12/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
525	18000450	Phạm Minh	Nhật	Nam	13/08/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
526	18001018	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	14/06/2002	18T4-TKĐ1	X	X	X	
527	18000470	Trần Đặng Hà	Nhi	Nữ	28/06/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
528	18001190	Nguyễn Hùng	Phát	Nam	01/06/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
529	18000737	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	22/11/2002	18T4-TKĐ1	X	X	X	
530	18001347	Lâm Tuấn	Phong	Nam	06/02/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
531	18005711	Hoàng	Phú	Nam	21/10/1999	18T4-TKĐ1	X	X	X	
532	18000871	Nguyễn Vũ Minh	Quân	Nam	29/03/2002	18T4-TKĐ1	X	X	X	
533	18000802	Nguyễn Ngọc	Tài	Nam	28/11/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
534	18000675	Phạm Phú	Thịnh	Nam	10/09/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
535	18000342	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	18/08/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
536	18000926	Đỗ Như	Thụy	Nữ	24/05/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
537	18000516	Võ Trần Hợp	Tiến	Nam	17/01/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
538	18001056	Nguyễn Ngọc Thành	Trí	Nam	09/09/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
539	18000372	La Đạo	Trung	Nam	15/10/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
540	18000501	Huỳnh Nhật	Trường	Nam	16/06/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
541	18001067	Trần Hùng	Văn	Nam	23/02/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
542	18001197	Nguyễn Lê Tường	Vy	Nữ	18/05/2003	18T4-TKĐ1	X	X	X	
543	18000904	Hoàng Thiên	Bảo	Nam	26/09/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
544	18002406	Hồ Quốc	Đạt	Nam	12/02/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
545	18001273	Huỳnh Gia	Huy	Nam	05/11/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
546	18003596	Trần Đức	Huy	Nam	23/03/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
547	18001387	Lê Khang Tâm	Hy	Nữ	25/10/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
548	18001215	Phạm Tuấn	Khang	Nam	21/12/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
549	18001595	Nhan Mỹ	Kim	Nữ	15/08/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
550	18005190	Lương Trúc	Lam	Nữ	06/04/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
551	18001109	Nguyễn Ngọc Gia	Linh	Nữ	26/07/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
552	18000117	Trương Gia	Minh	Nam	23/12/2002	18T4-TKĐ2	X	X	X	
553	18002410	Vy Hoàng Yến	Nhi	Nữ	07/10/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
554	18001380	Nguyễn Thành	Trung	Nam	23/09/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
555	18005066	Vũ Nguyễn Thanh	Danh	Nam	20/08/2000	18T4-TKW1	X	X	X	
556	18000279	Lù Thế	Dinh	Nam	18/11/2003	18T4-TKW1	X	X	X	
557	18005277	Đình Hoàng	Duy	Nam	28/10/2003	18T4-TKW1	X	X	X	
558	18001458	Ao Thiêng	Giả	Nam	24/09/2001	18T4-TKW1	X	X	X	
559	18000126	Trần Lê Trung	Hậu	Nam	17/08/2003	18T4-TKW1	X	X	X	
560	18001721	Bùi Phước	Huy	Nam	14/08/2002	18T4-TKW1	X	X	X	
561	18000319	Lê Thanh	Kiệt	Nam	27/09/2002	18T4-TKW1	X	X	X	
562	18000382	Trương Minh	Nghĩa	Nam	08/12/2003	18T4-TKW1	X	X	X	
563	18001158	Nguyễn Thanh	Nhật	Nam	30/12/2003	18T4-TKW1	X	X	X	
564	18000370	Lộ Phú Tấn	Phát	Nam	08/09/1999	18T4-TKW1	X	X	X	
565	18000994	Trương Đình	Phúc	Nam	04/08/2003	18T4-TKW1	X	X	X	
566	18003605	Võ Trương Thiên	Thiên	Nữ	24/10/2003	18T4-TKW1	X	X	X	
567	18002628	Cao Văn	Thông	Nam	01/02/2002	18T4-TKW1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
568	18001027	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	Nữ	16/06/2003	18T4-TKW1	X	X	X	
569	18000503	Bùi Bá Hoàn	Vũ	Nam	07/09/2003	18T4-TKW1	X	X	X	
570	18000970	Nguyễn Tạ Gia	Bảo	Nam	28/02/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
571	18000945	Nguyễn Minh	Cánh	Nam	16/09/1999	18T4-VSL1	X	X	X	
572	18000842	Dương Văn	Chung	Nam	05/11/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
573	18000570	Trương Đình	Chương	Nam	15/07/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
574	18000868	Nguyễn Việt	Cường	Nam	18/04/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
575	18001096	Huỳnh Tấn	Đạt	Nam	21/11/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
576	18000199	Vũ Minh	Đạt	Nam	29/04/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
577	18000118	Bạch Minh	Đức	Nam	25/11/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
578	18000476	Phạm Hồng	Đức	Nam	08/07/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
579	18005084	Phạm Văn	Hương	Nam	19/01/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
580	18001086	Lê Minh	Khoa	Nam	03/08/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
581	18000056	Lê Phạm Bảo	Long	Nam	20/08/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
582	18000742	Trần Anh	Nhật	Nam	18/11/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
583	18000703	Phạm Xuân	Phát	Nam	30/06/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
584	18001039	Nguyễn Văn	Quân	Nam	20/11/2002	18T4-VSL1	X	X	X	
585	18000750	Nguyễn Lê Ngọc	Sơn	Nam	28/01/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
586	18001076	Đào Ngọc	Thuận	Nam	02/04/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
587	18000685	Lâm Gia	Tín	Nam	08/11/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
588	18001165	Trần Minh	Trí	Nam	27/04/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
589	18000489	Nguyễn Trần Thanh	Tú	Nam	12/10/2003	18T4-VSL1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
590	18000478	Hồ Anh	Tuấn	Nam	25/09/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
591	18000968	Nguyễn Hữu	Vinh	Nam	24/12/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
592	18001249	Nguyễn Minh	Chiến	Nam	02/09/2002	18T4-VSL2	X	X	X	
593	18003162	Võ Phước	Khang	Nam	22/06/2003	18T4-VSL2	X	X	X	
594	18001206	Châu Tấn	Pháp	Nam	22/06/2003	18T4-VSL2	X	X	X	
595	18002429	Nguyễn Tiến	Phát	Nam	27/08/2003	18T4-VSL2	X	X	X	
596	18001125	Trần Đức	Phú	Nam	06/09/2003	18T4-VSL2	X	X	X	
597	18002768	Trần Ngọc	Phú	Nam	15/10/2003	18T4-VSL2	X	X	X	
598	18001173	Trần Vũ Đăng	Quang	Nam	01/01/2003	18T4-VSL2	X	X	X	
599	18000812	Nguyễn Lê Anh	Vũ	Nam	13/12/2003	18T4-VSL2	X	X	X	
600	20004427	Lê Duy	Anh	Nam	20/01/2002	20T2-ĐCN1	X	X	X	
601	20005419	Lê Minh	Châu	Nam	07/12/2000	20T2-ĐCN1	X	X	X	
602	20003695	Nguyễn Văn	Chí	Nam	25/08/2002	20T2-ĐCN1	X	X	X	
603	20004608	Huỳnh Công	Chính	Nam	17/02/2002	20T2-ĐCN1	X	X	X	
604	20001602	Nguyễn Văn	Chung	Nam	20/04/1996	20T2-ĐCN1	X	X	X	
605	20004412	Hoàng Văn	Cường	Nam	03/01/2001	20T2-ĐCN1	X	X	X	
606	20005394	Trần Minh	Đoàn	Nam	24/05/2001	20T2-ĐCN1	X	X	X	
607	20004726	Lê Văn	Hiếu	Nam	17/08/2002	20T2-ĐCN1	X	X	X	
608	20005430	Nguyễn Văn	Khanh	Nam	01/06/2002	20T2-ĐCN1	X	X	X	
609	20000815	Đoàn Trọng	Nghĩa	Nam	06/02/2002	20T2-ĐCN1	X	X	X	
610	20004171	Cao	Nguyên	Nam	28/09/2002	20T2-ĐCN1	X	X	X	
611	20005693	Nguyễn Văn Phúc	Nhân	Nam	02/10/2001	20T2-ĐCN1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
612	20004902	Trần Hữu	Phước	Nam	01/10/2002	20T2-ĐCN1	X	X	X	
613	20003680	Nguyễn Hoàng	Phương	Nam	29/01/2001	20T2-ĐCN1	X	X	X	
614	20003629	Lê Minh	Son	Nam	04/04/2002	20T2-ĐCN1	X	X	X	Được miễn thi do đã TN THPT
615	20005598	Trương Thành	Tân	Nam	12/07/2001	20T2-ĐCN1	X	X	X	
616	20000921	Phạm Lê Hoài	Thương	Nam	22/02/1998	20T2-ĐCN1	X	X	X	
617	20004045	Nguyễn Lê	Thường	Nam	19/04/1997	20T2-ĐCN1	X	X	X	
618	20000583	Nguyễn Văn	Trung	Nam	20/11/1999	20T2-ĐCN1	X	X	X	
619	20005404	Hồ Xuân	Tú	Nam	06/09/2002	20T2-ĐCN1	X	X	X	
620	20005241	Lê Nguyễn Tú	Tú	Nữ	22/08/2002	20T2-ĐCN1	X	X	X	
621	20007671	Bùi Thanh	Tùng	Nam	06/07/1974	20T2-ĐCN1	X	X	X	Được miễn thi do đã TN THPT
622	20002242	Nguyễn Vũ Xuân	Uyên	Nữ	29/01/2001	20T2-ĐCN1	X	X	X	
623	20004501	Hồ Nhật	Vy	Nam	28/04/2002	20T2-ĐCN1	X	X	X	
624	20008082	Phạm Thị	Yến	Nữ	01/01/1983	20T2-ĐCN1	X	X	X	
625	18000676	Lương Quốc	Huy	Nam	29/04/1999	18T4-CNÔ3	X	X	X	
626	18000763	Phạm Nguyễn Duy	Khang	Nam	24/11/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
627	18001049	Võ Ngọc Gia	Phúc	Nam	01/01/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
628	18000762	Phạm Nguyễn Anh	Quân	Nam	24/11/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
629	18000096	Nguyễn Hoàng	Son	Nam	22/11/2000	18T4-LTM1	X	X	X	
630	18000066	Lương Long	Thắng	Nam	29/07/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
631	18000419	Bùi Huy Ngọc	Thiện	Nam	08/04/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
632	18000083	Phạm Anh	Tuấn	Nam	18/07/2003	18T4-LTM1	X	X	X	
633	18002121	Văn Đức Hoài	An	Nam	21/05/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
634	18000937	Phạm Mai Ru	Bi	Nam	14/01/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
635	18000664	Phan Anh	Khoa	Nam	20/03/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
636	18001818	Đặng Sỹ	Lân	Nam	02/03/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
637	18000607	Tổng Minh	Nghĩa	Nam	25/10/2003	18T4-TKĐ2	X	X	X	
638	18000385	Phan Nhật	Minh	Nam	03/01/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
639	18001167	Cao Nguyên	Vũ	Nam	25/04/2003	18T4-VSL1	X	X	X	
640	18001308	Trần Mai Hiếu	Thịnh	Nam	14/07/2003	18T4-VSL2	X	X	X	
641	18004198	Bùi Hữu	Lợi	Nam	09/04/2002	18T4-ĐCN1	X	X	X	

Tổng cộng danh sách có 641 sinh viên

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI
TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KỲ THI THÁNG 01/2022**

(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-LTT-ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
1	16000133	Bùi Công	Duy	Nam	12/04/2001	16TCN-ĐT	X	X	X	
2	16000616	Đỗ Tuấn	Anh	Nam	27/09/2001	16TCN-Ô1	X		X	
3	16000033	Lê Minh	Hoàn	Nam	21/01/2001	16TCN-Ô1	X	X	X	
4	16000197	Hà Anh	Tuấn	Nam	26/09/2001	16TCN-QTM1	X	X	X	
5	15000571	Mai Tuấn	Anh	Nam	06/02/2000	15TCN-QTM1			X	
6	17000262	Nguyễn Trung	Đức	Nam	09/09/1998	17T4-CCK1	X	X	X	
7	17000601	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	20/05/2002	17T4-CKL1	X			
8	17000892	Khuru Lê Đức	Thành	Nam	25/09/2002	17T4-CKL1	X	X	X	
9	17000670	Trương Trần Anh	Duy	Nam	12/01/2002	17T4-CMT1	X			
10	17002666	Nguyễn Hùng Gia	Hào	Nam	03/10/2002	17T4-CMT1	X			
11	17000733	Thân Thị	Tâm	Nữ	19/06/2002	17T4-CNM1	X	X	X	
12	17004183	Trần Ngọc	Mẫn	Nam	02/04/2002	17T4-CNÔ1	X			
13	17003174	Dương Trung	Khang	Nam	09/01/2001	17T4-CNÔ1		X		
14	17000515	Dương Phạm Minh	Thông	Nam	04/05/2002	17T4-CNÔ3			X	
15	17000596	Hồ Khánh	Tú	Nam	23/11/2002	17T4-CNÔ3	X	X	X	
16	17000574	Phạm Thanh	Tùng	Nam	19/03/2002	17T4-CNÔ3	X	X	X	
17	17000194	Triệu Minh	Châu	Nam	10/01/2002	17T4-ĐCN1	X	X	X	
18	17003400	Võ Tấn	Vũ	Nam	25/08/2002	17T4-ĐCN1	X	X	X	
19	17000483	Lâm Bảo	Như	Nữ	14/11/2002	17T4-ĐĐT1	X	X	X	
20	17004858	Bùi Duy	Thắng	Nam	23/04/2002	17T4-ĐĐT1	X	X	X	
21	17000039	Nguyễn Hữu	Trí	Nam	19/6/2002	17T4-ĐĐT1	X			
22	17000609	Huỳnh Đại	Triển	Nam	13/06/2002	17T4-ĐĐT1	X	X	X	
23	17001743	Hồ Kỳ	Hào	Nam	17/12/2002	17T4-ĐTC1	X	X	X	
24	17001163	Đàm Gia	Chấn	Nam	02/10/2002	17T4-KTD1	X	X	X	
25	17000438	Trần Thị Ngọc	Duyên	Nữ	21/10/2001	17T4-KTD1	X	X	X	

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
26	17003375	Đoàn Thị Thu	Nguyệt	Nữ	18/07/2002	17T4-KTD1	X	X	X	
27	17001211	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	28/12/2002	17T4-KTD1	X	X	X	
28	17002214	Nguyễn Trọng Phú	Cường	Nam	26/06/2001	17T4-LĐL1	X	X	X	
29	17001536	Bùi Viễn	Thanh	Nam	15/11/2002	17T4-LĐL1	X	X	X	
30	17000643	Huỳnh Đình	Tú	Nam	01/06/2002	17T4-NNA1	X	X	X	
31	17000502	Nguyễn Nhựt	Minh	Nam	14/03/2002	17T4-QTD1	X	X	X	
32	17000397	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	12/01/2001	17T4-QTD1	X	X		
33	17002432	Lê Anh	Thư	Nữ	20/12/2002	17T4-QTD1	X	X	X	
34	17000949	Trần Anh	Trường	Nam	26/06/2002	17T4-QTD1	X		X	
35	17001061	Nguyễn Tuấn	An	Nam	01/11/2002	17T4-QTM1	X			
36	17000587	Nguyễn Thành	Hung	Nam	18/07/2002	17T4-QTM1	X			
37	17000192	Nguyễn Đoàn Trung	Trực	Nam	08/11/2002	17T4-QTM1	X	X	X	
38	19003294	Lê Trung	Nguyên	Nam	20/11/2001	19T2-CCK1		X		
39	19003067	Lê Tấn	Sang	Nam	15/01/2001	19T2-CCK1		X	X	
40	19004180	Phạm Quốc	Duy	Nam	10/02/2001	19T2-CNÔ1		X	X	
41	19002997	Thân Quốc	Duy	Nam	15/05/2001	19T2-CNÔ1		X		
42	19005304	Lê Hải	Đặng	Nam	16/06/1998	19T2-CNÔ1		X	X	
43	19004510	Nguyễn Vinh	Hiếu	Nam	09/01/2001	19T2-CNÔ1		X		
44	19004573	Đặng Văn	Hùng	Nam	01/01/2001	19T2-CNÔ1		X		
45	19003837	Nguyễn Nhật	Quang	Nam	19/11/2001	19T2-CNÔ1		X		
46	19002030	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	16/11/2001	19T2-CNÔ1		X		
47	19003717	Phạm Văn	Tín	Nam	20/10/2001	19T2-CNÔ1			X	
48	19002024	Nguyễn Văn	Tâm	Nam	12/06/2001	19T2-CNÔ1	X	X		
49	19002905	Trương Quốc	Thái	Nam	24/01/2001	19T2-CNÔ1		X		
50	19002163	Nguyễn Thế	Văn	Nam	14/11/2001	19T2-CNÔ1			X	
51	19004426	Tổng Duy	Vũ	Nam	14/02/2001	19T2-CNÔ1			X	
52	19004626	Nguyễn Văn	Đức	Nam	04/03/2001	19T2-ĐCN1	X	X	X	
53	19003880	Trần Đăng	Khoa	Nam	18/10/2001	19T2-ĐCN1	X	X		
54	19004518	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	29/04/2001	19T2-ĐCN1		X		
55	19004600	Trà Anh	Duy	Nam	21/08/2001	19T2-QTM1		X		
56	19002605	Trần Đức	Duy	Nam	04/02/2000	19T2-QTM1		X		
57	19004531	Đỗ Ngọc	Hiếu	Nam	11/05/1998	19T2-QTM1	X	X		
58	19003094	Phạm Minh	Hùng	Nam	03/01/2001	19T2-QTM1	X			

STT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
							Toán	Lý	Hóa	
59	19003754	Lê Thanh	Liên	Nam	01/06/1999	19T2-QTM1	X	X		
60	19002906	Vương Thanh	Phong	Nam	23/05/2001	19T2-QTM1		X		
61	19003574	Mai Trung	Trúc	Nam	02/07/2001	19T2-QTM1		X	X	
62	19004270	Nguyễn Đại	Việt	Nam	10/02/1999	19T2-QTM1			X	
63	18005505	Lâm Quốc	Trung	Nam	19/3/2000	18T2-CNÔ1			X	
64	19005094	Trần Văn	Đức	Nam	04/08/2001	19T2-CNÔ1		X	X	
65	19002418	Đặng Ngân	Tuấn	Nam	24/11/2001	19T2-CNÔ1			X	
66	17004812	Hồ Lê	Khoa	Nam	27/03/2002	17T4-QTM1	X	X	X	
67	17000297	Trần Nhật	Minh	Nam	01/11/2002	17T4-KTD1	X	X	X	
68	17002750	Huỳnh Phúc	Hậu	Nữ	28/12/1999	17T4-KTD1	X	X	X	
69	17000525	Trần Thị Quỳnh	Như	Nữ	08/08/2002	17T4-KTD1	X	X	X	

Tổng cộng danh sách có 69 sinh viên



TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHÓA CỬ ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP
TRUNG CẤP NGHỀ, TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
KỲ THI THÁNG 01/2022

(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-LTT-ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Giới tính	NGÀY SINH	LỚP	Môn thi			Ghi chú
							C.trị	LT	TH	
ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG										
1	15000313	Phạm Thanh	Hiền	Nam	20/10/2000	15TC-Đ	X	X	X	
CNKT NHIỆT - CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN LẠNH										
2	15003404	Thái Văn	Toàn	Nam	02/04/1999	15TC-NL	X	X	X	
ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP										
3	16000145	Bùi Quốc	Tuấn	Nam	15/02/2000	16TCN-ĐT	X	X	X	
ĐIỆN CÔNG NGHIỆP										
4	16000265	Nguyễn Anh	Tú	Nam	30/9/2001	16TCN-Đ		X		
5	16003124	Nguyễn Long	Hải	Nam	11/02/2001	16TCN-Đ		X		
CẮT GỌT KIM LOẠI										
6	15000247	Trần Tuấn	Khanh	Nam	07/7/2000	15TCN-CKL	X	X	X	
CÔNG NGHỆ ÔTÔ										
7	15002194	Nguyễn Phi	Long	Nam	13/02/2000	15TCN-Ô		X		
8	15000133	Đỗ Nguyễn Duy	Khang	Nam	05/6/2000	15TCN-Ô		X	X	
9	15000162	Lâm Vĩnh	Thành	Nam	08/02/1999	15TCN-Ô	X	X	X	
10	15000201	Huỳnh Đức	Tuấn	Nam	09/12/2000	15TCN-Ô		X		
11	16000616	Đỗ Tuấn	Anh	Nam	27/9/2001	16TCN-Ô		X		
12	16000033	Lê Minh	Hoàn	Nam	21/01/2001	16TCN-Ô	X	X	X	
13	16000343	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	20/01/2001	16TCN-Ô		X		
14	16000475	Lê Thành	Thắng	Nam	01/5/2001	16TCN-Ô		X		
15	16000333	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	21/8/2001	16TCN-Ô		X		
CÔNG NGHỆ MAY VÀ THỜI TRANG										
16	16000519	Trần Huỳnh Minh	Thư	Nữ	03/5/2001	16TC-MTT	X			
QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH										
17	15000268	Trương Lê Anh	Khoa	Nam	12/5/2000	15TC-QTM	X	X	X	
18	16003056	Trương Hữu	Hậu	Nam	05/6/1998	16TCT-QTM	X	X	X	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Giới tính	NGÀY SINH	LỚP	Môn thi			Ghi chú
							C.trị	LT	TH	
19	16000913	Quách Ngọc Tú	Thương	Nữ	21/9/1996	16TCT-QTM	X	X	X	
20	16000299	Nguyễn Thanh	Long	Nam	12/4/2000	16TCN-QTM	X	X	X	
21	16001779	Đặng Xuân	Lộc	Nam	26/7/2000	16TCN-QTM		X		
22	16000292	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	24/11/2001	16TCN-QTM	X	X	X	
23	16002525	Trần Thái	Son	Nam	07/12/2001	16TCN-QTM		X		
24	16000197	Hà Anh	Tuấn	Nam	26/9/2001	16TCN-QTM	X	X	X	
25	16000484	Lưu Mạnh Đình	Tùng	Nam	17/02/2001	16TCN-QTM		X		
26	16001823	Lã Minh	Trường	Nam	08/4/2000	16TCN-QTM			X	
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ										
27	16003035	Trương Quế	Anh	Nữ	29/3/2001	16TCN-QTD	X	X	X	
28	16002461	Mộng Thùy	Dương	Nữ	21/12/2001	16TCN-QTD			X	

Tổng cộng danh sách có 28 sinh viên.

